

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 317/2017/DS-PT

Ngày: 13-12-2017

V/v tranh chấp dân sự
về hợp đồng hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Thanh Tấn

Ông Đinh Chí Tâm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:***
Ông Nguyễn Tấn Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 191/2017/TLPT-DS ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp dân sự về hợp đồng hui.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 35/2017/DS-ST ngày 22/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 312/2017/QĐPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị Việt A1, sinh năm 1965; địa chỉ: Số , ấp B, xã H, huyện C, tỉnh A.

2. ***Bị đơn:*** Bà Sa Tú A2, sinh năm 1961, địa chỉ: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

3.1. Anh Dương Thanh N, sinh năm 1993; địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh A.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Dương Thanh N: Chị Võ Thị Bích T, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp là người đại diện theo ủy quyền của anh N (Văn bản ủy quyền ngày 12/7/2017);

3.2. Chị Võ Thị Bích T, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh N, chị T có đơn xin vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Sa Tú A2 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Việt A1 trình bày:

Bà có tham gia dây hụi 1.000.000đ, khai lần đầu vào ngày 20/6/2015 do bà A2 làm chủ hụi, hụi nửa tháng khai một lần và có 36 phần, bà tham gia 01 phần, việc hai bên giao kết hợp đồng dân sự hụi thì bà A2 có giao sổ hụi cho bà. Sau khi tham gia hụi, bà có đóng hụi sống cho bà A2 được 33 lần. Đến lần khai thứ 34, bà yêu cầu hốt hụi nhưng hốt hụi không được, bà A2 không đến góp hụi ở lần khai hụi thứ 34 và 35. Ngày 05/12/2016 ân hụi mãn, bà A2 có ghi giấy tay với nội dung cản trở nợ hụi với bà ở 33 lần hụi sống trên vào dây hụi 1.000.000đ khác mà bà A2 làm chủ hụi, bà là hụi viên và bà đã hốt hụi ở dây hụi này, nhưng phải đóng hụi chết cho bà A2 29 lần với số tiền 29.000.000đ, bà không đồng ý cản trở hụi theo yêu cầu của bà A2. Nay bà đồng ý cản trở số tiền hụi 3.000.000đ mà chị T nợ hụi chết của bà A2 trong dây hụi 1.000.000đ khai lần đầu ngày 20/6/2015 (cùng dây hụi với bà) vào số tiền hụi 33.000.000đ (là số tiền hụi của 33 lần hụi sống ở dây hụi 1.000.000đ khai lần đầu ngày 20/6/2015 hiện đang tranh chấp) mà bà A2 nợ bà, nên nay bà chỉ yêu cầu bà A2 hoàn trả tiền hụi còn nợ lại là 30.000.000đ, không yêu cầu tiền lãi, không yêu cầu giải quyết số tiền 3.000.000đ mà chị T nợ lại bà trong vụ án này.

Bà Sa Tú A2 trình bày:

Vào ngày 20/6/2015 bà A1 có tham gia dây hụi 1.000.000đ nửa tháng khai hụi một lần, hụi gồm 36 phần do bà làm chủ như bà A1 đã trình bày, ở dây hụi này bà A1 tham gia 02 phần, ngày 05/3/2016 bà A1 hốt phần hụi có tên là N.T, bà giao tiền hụi cho bà A1 thông qua con bà A1 là N.T. Đến lần thứ 34, bà A1 yêu cầu hốt phần hụi còn lại, nhưng bà không đồng ý cho bà A1 hốt và ngừng không góp hụi của bà A1 nữa, vì bà cho rằng bà A1 không có đủ khả năng chơi hụi tiếp tục và bà giữ phần tiền bà A1 đã đóng hụi 33 lần để thực hiện nghĩa vụ của bà A1 trong phần hụi tên N.T, trong dây hụi này còn nợ 03 lần hụi chết

với số tiền 3.000.000đ và dây hụi 1.000.000đ, gồm 41 phần, khai lần đầu vào ngày 25/10/2015âl bà là chủ và bà A1 là hụi viên như bà A1 đã trình bày. Ở dây hụi này bà A1 đã hốt hụi ở lần khai hụi thứ 5, sau đó đóng hụi chết đến lần khai hụi thứ 12 thì không đóng hụi chết nữa và tại phiên tòa bà A2 cho rằng đến hôm nay bà A2 đã choàng hụi chết cho bà A1 là 10 lần với số tiền 10.000.000đ, hiện còn 19 lần hụi chưa khai. Nay bà A2 không đồng ý hoàn trả số tiền hụi 30.000.000đ theo yêu cầu của bà A1.

Chị Võ Thị Bích T trình bày:

Vào ngày 20/6/2015âl, chị có tham gia 1 phần trong dây hụi 1.000.000đ do bà A2 làm chủ như bà A2 đã trình bày. Phần hụi của chị trong danh sách hụi có tên N.T là vì chị và anh N là con trai của bà A1 có mối quan hệ tình cảm với nhau. Sau khi tham gia hụi, chị đóng hụi trực tiếp cho bà A2, bà A1 và chị là hai phần hụi hoàn toàn độc lập trong dây hụi này. Khoảng tháng 3/2016âl chị hốt hụi, bà A2 giao hụi trực tiếp cho chị và chị đã thực hiện nghĩa vụ đóng hụi chết cho bà A2 đúng thỏa thuận. Nhưng đến khi hụi còn 3 lần nữa là mãn thì bà A2 không gôm hụi đối với chị và nói với chị là không cần phải đóng hụi chết nữa. Chị cho rằng lời trình bày của bà A2 về việc bà A1 tham gia 02 phần trong dây hụi 1.000.000đ này trong đó có phần hụi tên là N.T là hoàn toàn không đúng sự thật, ở dây hụi này chị còn nợ bà A2 3.000.000đ tiền hụi chết. Do bà A1 đồng ý cản trừ số tiền hụi 3.000.000đ mà chị đang nợ bà A2 vào số tiền hụi 33.000.000đ mà bà A2 đang nợ bà A1 và chị thống nhất cản trừ nợ như bà A1 đã trình bày. Chị sẽ có trách nhiệm trả số tiền 3.000.000đ cho bà A1, không yêu cầu giải quyết số tiền 3.000.000đ mà chị nợ lại bà A1 trong vụ án này.

Anh Dương Thanh N trình bày:

Anh và chị Võ Thị Bích T có quan hệ tình cảm với nhau, anh có biết việc mẹ anh là bà A1 và chị T có tham gia chơi hụi do bà A2 làm chủ, nhưng không biết rõ việc tham gia hụi của bà A1 và chị T, có vài lần anh nhận đi đóng hụi dùm bà A1 và chị T, anh không nhận tiền hụi từ bà A2 như bà A2 đã trình bày. Anh cho rằng việc giao kết hụi là giữa bà A1, chị T và bà A2 không liên quan gì đến anh.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 35/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Việt A1.
2. Buộc bà Sa Tú A2 hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Việt A1 nợ hụi với số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) ở dây hụi khai ngày 20/6/2015âl do bà Sa Tú A2 làm chủ hụi và bà Nguyễn Thị Việt A1 là hụi viên.

Khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà A1 trường hợp bà A2 chậm trả tiền thì bà A2 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân

hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

3.1. Bà Sa Tú A2 phải chịu 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (bà A2 chưa nộp).

3.2. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Việt A1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.000đ (tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08965 ngày 19/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Ngày 05/9/2017 bà Sa Tú A2 có đơn kháng cáo không đồng ý trả cho bà A1 30.000.000đ, bà cho rằng giữa hai bên đã cân trừ sau khi bà A1 không thực hiện nghĩa vụ đóng hui chết cho bà ở đây hui 1.000.000đ một tháng khai 1 lần bà A1 còn nợ lại 29 lần hui chết chưa đóng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà A2 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả cho bà A1 30.000.000đ.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của A2 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 20/6/2015âl bà A2 có làm chủ dây hui 1.000.000đ, gồm 36 phần, hui nửa tháng khai một lần và trong danh sách hui có ghi một phần tên chị S (tức là bà A1), một phần ghi tên N.T là thật, được các đương sự thừa nhận.

Sau khi tham gia dây hui khai ngày 20/6/2015âl do bà A2 làm chủ, bà A1 đã đóng hui cho bà A2 được 33 lần, ở lần khai hui thứ 34 bà A1 bỏ thăm nhưng không hốt hui được do có người khác bỏ hui cao hơn, bà A2 không góp hui bà A1 ở những lần khai hui tiếp theo, không cho bà A1 hốt hui, hui đã mẫn vào tháng 12/2016âl nhưng đến nay bà A2 cũng không hoàn trả số tiền mà bà A1 đã đóng cho bà A2. Nay bà A1 đồng ý cân trừ số tiền hui 3.000.000đ mà chị T còn nợ hui chết chưa đóng cho bà A2 vào số tiền hui 33.000.000đ mà bà A2 còn nợ

lại bà A1, nên bà A1 yêu cầu bà A2 hoàn trả tiền hội còn nợ lại cho bà là 30.000.000đ.

Bà A2 thừa nhận bà A1 có đóng hội cho bà được 33 lần và dây hội đã mãn vào tháng 12/2016âl như bà A1 đã trình bày, nhưng bà A2 cho rằng sau khi bà A1 đóng hội cho bà được 33 lần, bà A2 nhận thấy bà A1 không khả năng đóng hội chết tiếp tục ở phần hội ghi tên N.T với số tiền hội chết còn nợ là 3.000.000đ và phần hội chết ở dây hội 1.000.000đ khai ngày 25/10/2015âl với số tiền hội chết bà A1 còn nợ là 29.000.000đ (dây hội này bà A2 đã choàng 10 lần hội chết với số tiền 10.000.000đ, hiện còn 19 lần hội chưa khai) nên bà A2 không cho bà A1 hốt hội ở lần khai hội thứ 34, 35 và bà A2 cũng không góp hội đôi với bà A1 mà bà tự đóng thay phần hội của bà A1 và để bà A2 hốt hội chót ở lần khai hội thứ 36. Bà A2 không giao trả 33 lần hội mà bà A1 đã đóng cho bà theo hai bên thống nhất với số tiền 33.000.000đ cho bà A1 mà bà tự viết giấy tay cân trừ 33 lần hội mà bà A1 đã đóng cho bà vào 02 phần hội chết mà bà A1 nợ bà A2 như đã trình bày với số tiền 32.000.000đ (trong đó 3.000.000đ tiền hội chết chị T chưa đóng, 29.000.000đ tiền hội chết của dây hội khai ngày 25/10/2015âl, tổng cộng là 32.000.000đ) và bà gửi kèm 1.000.000đ tiền mặt xem như giữa bà A2 và bà A1 không nợ gì với nhau, nhưng bà A1 không đồng ý. Nay bà A2 không đồng ý hoàn trả 30.000.000đ tiền hội theo yêu cầu của bà A1.

[2] Xét thấy bà A1 đã đóng hội cho bà A2 33 lần, với số tiền là 33.000.000đ mà hai bên đã thống nhất, nhưng bà A2 tự ý ngưng không góp hội tiếp tục vì bà cho rằng bà A2 không có đủ khả năng chơi hội tiếp tục và bà giữ phần tiền bà A1 đã đóng hội 33 lần để thực hiện nghĩa vụ của bà A1, hiện dây hội đã mãn vào tháng 12/2016âl và đến nay bà A2 vẫn chưa hoàn trả 33.000.000đ tiền hội cho bà A1, nên việc bà A1 yêu cầu bà A2 hoàn trả 33.000.000đ là phù hợp với khoản 1 Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005.

[3] Trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà A1 đồng ý cân trừ số tiền hội 3.000.000đ mà chị T nợ hội chết chưa đóng cho bà A2 vào số tiền hội 33.000.000đ mà bà A2 đang nợ bà A1, nên bà A1 yêu cầu bà A2 hoàn trả tiền hội còn nợ lại là 30.000.000đ là có căn cứ. Việc bà A2 yêu cầu cân trừ số tiền hội 29.000.000đ mà bà A1 đang nợ bà A2 ở dây hội khai ngày 25/10/2015âl việc cân trừ này không được bà A1 đồng ý. Tuy nhiên số tiền hội 29.000.000đ mà bà A1 đang nợ bà A2 là 1 dây hội khác và hiện tại dây hội khai ngày 25/10/2015âl vẫn chưa mãn hội nên việc bà A2 đề nghị cân trừ số tiền hội vào các khoản trên là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Do đó, án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu của bà A1 buộc bà A2 phải trả cho bà A1 30.000.000đ là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà A2 giữ nguyên bản án sơ thẩm

Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên bà A2 phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của bà A2 giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 479 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Sa Tú A2.
2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 35/2017/DS-ST ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Việt A1.

Buộc bà Sa Tú A2 hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Việt A1 nợ hui với số tiền là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) ở đây hui khai ngày 20/6/2015al do bà Sa Tú A2 làm chủ hui và bà Nguyễn Thị Việt A1 là hui viên.

Khi có đơn yêu cầu thi hành án của bà A1 trường hợp bà A2 chậm trả tiền thì bà A2 còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Bà Sa Tú A2 phải chịu 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (bà A2 chưa nộp).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Việt A1 tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.000đ (tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 08965 ngày 19/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

- Án phí phúc thẩm: Bà Sa Tú A2 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 16630 ngày 06/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L (bà A2 đã nộp xong án phí phúc thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L;
- TAND huyện L;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Phước Hội